TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2017/KDTM-ST
Ngày: 15/8/2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Duy Hải;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2017/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST-KDTM ngày 05/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHHP; địa chỉ: Số 12/6, Tổ 6, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Ái P; chức vụ: Giám đốc Công ty; địa chỉ: Số 175, Tổ 5, khu phố K, phường T, thị xã T, Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH G; địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 7, phường U H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà G; chức vụ: Giám đốc Công ty; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Ái P là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn do trình bày: Vào ngày 06/9/2016, Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) bán cho Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G) 605kg giấy in sơ đồ và 565kg giấy Kraft; tổng giá trị là 21.833.900 đồng. Khi giao hàng thì Công ty P

có xuất Phiếu xuất kho số 0001676 ngày 06/9/2016, Công ty G đã nhận hàng và ký nhận. Cùng ngày 06/9/2016, Công ty P xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000492 cho Công ty G. Hai bên thỏa thuận trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn thì phải thanh toán. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty G chưa thanh toán mặc dù Công ty P đã yêu cầu nhiều lần. Ngày 05/01/2017, Công ty P đã gửi công văn yêu cầu Công ty G thanh toán nhưng đến nay chưa nhận được phản hồi về việc thanh toán.

Vì vậy, Công ty P yêu cầu Tòa án buộc Công ty G phải trả số tiền gốc là 21.833.900 đồng và tiền lãi với mức lãi suất tiền gửi là 5,5%/năm, kể từ ngày 06/9/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là ngày 30/7/2017 thành tiền 1.200.865 đồng; tổng cộng là 23.034.765 đồng *(Hai mươi ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng).*

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ái P trình bày: Vào ngày 20/7/2017 Công ty G đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty P số tiền nợ gốc là 12.475.000 đồng. Vì vậy, tại phiên tòa bà P đại diện cho Công ty P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 12.475.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 9.358.900 đồng và tiền lãi trên số tiền gốc 21.833.900 đồng theo mức lãi suất 5,5%/năm, kể từ ngày 06/9/2016 đến ngày 06/7/2017 là 10 tháng với số tiền 1.000.000 đồng; tổng cộng là 10.358.900 đồng *(Mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn chín trăm đồng).* Đối với số tiền gốc còn lại là 9.358.900 đồng bà P không yêu cầu Tòa án tính lãi.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Công ty TNHH G không đến Toà án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty TNHH P có bán hàng và giao hàng đầy đủ cho Công ty TNHH G theo phiếu xuất kho có chữ ký nhận hàng của nhân viên Công ty TNHH G và hóa đơn thuế giá trị gia tăng do nguyên đơn xuất trình. Tổng giá trị hàng hóa là 21.833.900 đồng, bị đơn đã thanh toán được số tiền 12.475.000 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn bình quân của 03 ngân hàng là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" mà bị đơn có trụ sở tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị TAND thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 30, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn Công ty TNHH G đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH G.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn rút yêu cầu buộc Công ty TNHH G thanh toán số tiền 12.475.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 217 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền 12.475.000 đồng.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 9.358.900 đồng và tiền lãi trên số tiền gốc 21.833.900 đồng theo mức lãi suất là 5,5%/năm kể từ ngày 06/9/2016 đến ngày 06/7/2017 là 10 tháng với số tiền 1.000.000 đồng; tổng cộng là 10.358.900 đồng *(Mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn chín trăm đồng)*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù việc mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) và Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G) không lập thành hợp đồng mua bán nhưng khi giao hàng cho Công ty G thì Công ty P có xuất Phiếu xuất kho số 0001676 (có ký nhận của bên nhận hàng là nhân viên của Công ty G) và Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000492 ngày 06/9/2016. Tại các thư điện tử do nguyên đơn cung cấp phía Công ty TNHH G cũng thừa nhận nợ nhưng vì gặp khó khăn trong kinh doanh nên xin gia hạn nợ nhiều lần. Hơn nữa, trong quá trình Công ty P khởi kiện tại Tòa án thì Công ty G đã thanh toán cho Công ty P số tiền 12.475.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định việc mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH G với Công ty TNHH P là có thật. Theo quy định Điều 50 Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho bên bán. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn bình quân của 03 ngân hàng trên địa bàn thị xã T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.7] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 430 và 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, 34, 50, 51 và Điều 306 Luật Thương mại

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm về việc tranh chấp đối với số tiền 12.475.000 đồng giữa nguyên đơn Công ty TNHH P với bị đơn Công ty TNHH G.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P đối với bị đơn Công ty TNHH TNHH G về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

3. Công ty TNHH G phải trả cho Công ty TNHH P số tiền 10.358.900 đồng *(Mười triệu ba trăm năm mươi tám nghìn chín trăm đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

4. Về án phí:

4.1. Công ty TNHH P không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả cho Công ty TNHH P số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013478 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

4.2. Công ty TNHH G phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hiền